TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: *Không tham gia*.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 600/12/17 , Kinh Dương V, phường A, Quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần D1, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 05, ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 của chị Nguyễn Thị Hồng D và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị D và anh Trần D1 quen nhau do tự tìm hiểu, có làm đám cưới vào khoảng năm 2011, có giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, có những quan điểm sống trái ngược nhau, thường xuyên gây gổ nhau nên không thể hòa đồng, cuộc sống gia đình luôn luôn trong tình trạng căng thẳng,

ngột ngạt. Trên danh nghĩa vợ chồng nhưng từ lâu đã ly thân, không còn coi nhau như là vợ chồng, không ai tôn trọng ai, không ai quan tâm đến ai. Từ khoảng tháng 02 năm 2019 cho đến nay chị và anh D1 không còn chung sống với nhau. Chị đã cố gắng hết sức để hàn gắn cuộc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cần một sự giải thoát về mặt pháp lý để xây dựng cuộc sống riêng cho mình.

Trong thời gian chung sống với nhau chị và anh D1 có một con chung là cháu Trần Nguyễn D2, sinh ngày 11/11/2013. Về tài sản chung trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo ra tài sản gì cả chỉ lo tròn cho cuộc sống và không thiếu nợ ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Trần D1; về con chung: Cháu Trần Nguyễn D2, sinh ngày 11/11/2013, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con. Chị đang trực tiếp nuôi con, hiện chị đang làm nghề kinh doanh bất động sản thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Cháu D2 đang học Trường mầm non Hoa Hồng tại phường An Lạc, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh; Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bị đơn anh Trần D1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hồng D quen nhau do tự tìm hiểu, có làm đám cưới vào khoảng năm 2011, có giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà thuê ở thành phố Hồ Chí Minh làm nghề mua bán quần áo, trong thời gian chung sống vợ chồng chuyển chỗ ở nhiều nơi trên địa bàn quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh (hiện nay hộ khẩu của anh ở tổ 5, ấp T, xã Q, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long là chung hộ khẩu với mẹ là Phạm Thị S). Thời gian đầu vợ chồng sống chung khá hạnh phúc, nhưng càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ anh nhiều lần kêu anh ra khỏi nhà nên nhiều lần anh bỏ nhà đi sau đó quay lại. Vợ chồng có những quan điểm sống trái ngược nhau, thường xuyên gây gổ nhau. Vợ chồng kinh tế của ai người đó xài nhưng anh cũng quan tâm đến gia đình và con cái. Từ khoảng tháng 02 năm 2019 cho đến nay anh và Nguyễn Thị Hồng D không còn chung sống với nhau. Trong thời gian chung sống với nhau có một con chung là cháu Trần Nguyễn D2, sinh ngày 11/11/2013.

Nay anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ thương con. Theo anh vợ anh yêu cầu ly hôn vì có quen biết người đàn ông khác. Về con chung là cháu Trần Nguyễn D2, sinh ngày 11/11/2013, trong trường hợp Tòa giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con. Từ tháng 02 năm 2019 đến nay vợ anh nuôi con nhưng không cho anh thăm con, hiện anh đang làm nghề kinh doanh bất động sản thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Hồng D vẫn giữ yêu cầu ly hôn anh Trần D1, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con là cháu Trần Nguyễn D2, sinh ngày 11/11/2013, không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần D1 đã nhận được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập của tòa án. Vì vậy, Tòa án giải quyết vắng mặt anh D1 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Trần D1 trình bày hiện nay hộ khẩu của anh ở tổ 5, ấp T, xã Q, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long là chung hộ khẩu với mẹ là bà Phạm Thị S. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị Nguyễn Thị Hồng D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết ly hôn với anh Trần D1 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trần D1 có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị D và anh D1 là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn: Xét chị D và anh D1 đều thừa nhận là cuộc sống vợ chồng sinh nhiều mâu thuẫn, có những quan điểm sống trái ngược nhau, thường xuyên gây gổ nhau. Vợ chồng kinh tế của ai người đó xài và từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay anh chị không còn chung sống với nhau. Anh D1 cho rằng chị D ly hôn là do có người đàn ông khác nhưng anh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ xem xét. Do đó, mâu thuẫn giữa chị D và anh D1 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn anh D1.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trần D1 có một con chung là Trần Nguyễn D2, sinh ngày 11/11/2013, hiện nay chị D đang trực tiếp nuôi. Theo quy định của pháp luật thì trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy chị D đang trực tiếp nuôi con và cháu D2 đang được học ổn định nên Hội đồng xét xử giao cháu D2 cho chị D được trực tiếp nuôi cháu D2. Chị D không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị D nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh D1 không tranh chấp nên không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng D được ly hôn anh Trần D1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng D được trực tiếp nuôi con là Trần Nguyễn D2, sinh ngày 11/11/2013; anh Trần D1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0015421 ngày 10/4/2019 tại Chi cục thì hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua, chị D không phải nộp án phí nữa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, thông báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND phường An Lạc;
- Các đương sự
- Lưu.